

QUAN HỆ QUỐC TẾ

CÁC CĂN CỨ QUÂN SỰ CỦA MỸ Ở NƯỚC NGOÀI

Nguyễn Khánh Vân
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

1. Quá trình thiết lập các căn cứ quân sự của Mỹ ở nước ngoài

Trong lịch sử nhân loại, các đế chế thường sử dụng những căn cứ quân sự ở bên ngoài để áp đặt sự thống trị của mình. Từ quan điểm này, về bản chất Pax Americana¹ không khác gì so với Pax Romana hay Pax Britannica. Trong tác phẩm *America and the World Revolution* (1962), nhà sử học Arnold Toynbee đã cho rằng: "Nguyên tắc chủ yếu mà dựa vào đó Roma duy trì ưu thế chính trị của mình trong thế giới chính là đặt những hàng xóm yếu ớt dưới sự bảo trợ của mình và bảo vệ họ khỏi những người láng giềng hùng mạnh hơn".

Cũng như vậy, Đế chế Anh ở giai đoạn cực thịnh của một cường quốc tư bản, vào thế kỷ XIX, đã thiết lập một hệ thống các thuộc địa rộng lớn trên toàn cầu được bảo vệ bởi các căn cứ quân sự. Robert Harkavy trong tác phẩm nổi tiếng của ông là *Great Power Competition for Overseas Bases* (1982), đã chia những căn cứ này thành 4 mạng lưới dọc hành lang đường biển nằm dưới sự thống trị của đế chế Anh: (1) từ Địa Trung Hải đến Ấn Độ thông qua kênh đào Suez; (2) Nam Á, Viễn Đông và Thái Bình dương; (3) Bắc Mỹ và Caribbean; (4)

Tây Phi và Nam Thái Bình dương. Vào giai đoạn này, những căn cứ quân sự của đế chế Anh trải dài trên lãnh thổ 35 quốc gia/thuộc địa. Mặc dù đế chế Anh đã suy tàn nhanh chóng vào đầu thế kỷ XX, những căn cứ này vẫn được duy trì, thậm chí còn được mở rộng trong thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ hai. Tuy nhiên, ngay sau chiến tranh, đế chế Anh sụp đổ và phần lớn những căn cứ này bị bỏ rơi.

Cùng với sự sụp đổ của đế chế Anh là sự xuất hiện của một đế chế khác là Mỹ. Nước Mỹ bước ra khỏi chiến tranh trở thành cường quốc sở hữu hệ thống những căn cứ quân sự rộng lớn chưa từng thấy. Theo James Blaker, cựu Cố vấn chính tại Bộ tham mưu liên binh chủng Mỹ, cho đến cuối Chiến tranh thế giới thứ hai, hệ thống các căn cứ nước ngoài của Mỹ lên đến hơn 30 nghìn căn cứ được phân bố tại hai nghìn địa điểm, và được xây dựng tại khoảng 100 quốc gia và khu vực, mở rộng từ vành đai Bắc cực đến Nam cực. Blaker đã tiết lộ rằng: "Bên cạnh sự độc quyền về năng lượng nguyên tử, không có biểu tượng nào phổ quát hơn để thừa nhận ngôi vị cường quốc của Mỹ là hệ thống các căn cứ tại nước ngoài"².

Sau chiến tranh, các căn cứ quân sự của Mỹ vẫn được bảo toàn và

những căn cứ mới được xây dựng. Tổng thống Harry Truman đã tuyên bố tại Hội nghị Postdam ngày 7/8/1945 rằng: "Mặc dù nước Mỹ không tìm kiếm một cách ích kỷ những lợi ích từ chiến tranh, chúng tôi vẫn sẽ giữ lại những căn cứ quân sự cần thiết đối với việc bảo vệ nguyên vẹn lợi ích của chúng tôi và hòa bình trên thế giới. Những căn cứ được đánh giá là thiết yếu sẽ được giữ lại. Chúng tôi sẽ đặt chúng dưới những hiệp định phù hợp với Hiến chương Liên hiệp quốc"³.

Tuy nhiên, xu hướng chủ yếu kể từ khi kết thúc Chiến tranh thế giới thứ Hai cho đến Chiến tranh Triều Tiên (1950-1953) là sự suy giảm của những căn cứ nước ngoài của Mỹ. Theo Blaker, "Một nửa những căn cứ có từ chiến tranh đã dần biến mất trong vòng hai năm sau thất bại của Nhật Bản và một nửa những căn cứ được duy trì cho đến năm 1947 đã được phá hủy vào 1949". Tuy nhiên, sau Chiến tranh Triều Tiên và Chiến tranh Việt Nam, số lượng những căn cứ này một lần nữa lại tăng lên. Năm 1988, số lượng những căn cứ lại giảm nhẹ, chủ yếu ở Nam Á và Trung Đông/châu Phi.

Về mặt lịch sử, những căn cứ quân sự thường xuyên được xây dựng trong thời kỳ chiến tranh. Chẳng hạn như căn cứ hải quân Guantanamo tại Cuba là kết quả của cuộc chiến tranh Mỹ - Tây Ban Nha. Ngay từ năm 1903, Washington đã áp đặt hiệp định thuê mượn Guantanamo vô thời hạn với Cuba sau khi chiến thắng Tây Ban Nha. "Nghị định Plat" năm 1902 và "Điều khoản bổ sung" ký năm 1934 giữa hai nhà nước không hề đề cập gì đến thời hạn thuê nhượng căn cứ. Sau chiến thắng của Cách mạng Cuba đầu năm 1959, những hoạt động đấu tranh đòi hủy bỏ căn cứ đã được đem

ra diễn đàn quốc tế. Chủ tịch Fidel Castro từng nói: "Guantanamo là mũi dao thọc vào tim Cuba. Chúng tôi không chuẩn bị loại bỏ căn cứ bằng vũ lực, nhưng không bao giờ chúng tôi từ bỏ phần đất thiêng liêng này".

Ngoài ra, rất nhiều những căn cứ của Mỹ hiện nay được thiết lập sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, Chiến tranh Triều Tiên, Chiến tranh Việt Nam, Chiến tranh vùng Vịnh và Chiến tranh Afghanistan. Căn cứ quân sự của Mỹ ở Okinawa, giờ đây đã chính thức thuộc về Nhật Bản, là di sản của sự chiếm đóng Nhật Bản của Mỹ trong giai đoạn Chiến tranh thế giới thứ Hai.

Cũng như mọi đế quốc, nước Mỹ đã vô cùng miễn cưỡng khi hủy bỏ bất kỳ căn cứ nào. Những căn cứ có được trong thời gian chiến tranh được coi như sự chuẩn bị trước cho bất kỳ một cuộc chiến tranh tương lai nào có thể do một kẻ thù hoàn toàn mới gây ra. Theo một báo cáo của Tiểu ban về những hiệp ước an ninh và cam kết quốc tế của Ủy ban Đối ngoại, Thượng viện Mỹ, ngày 21/12/1970: "Khi mà một căn cứ của Mỹ ở nước ngoài được thiết lập, nó sẽ phát triển một cách độc lập thực sự. Những sứ mệnh ban đầu có thể trở nên lỗi thời, nhưng những sứ mệnh mới sẽ được phát triển, không chỉ để duy trì sự tồn tại của nó, mà thường xuyên để mở rộng nó hơn nữa. Trong các cơ quan chính phủ trực tiếp liên quan như Bộ Ngoại giao và Quốc phòng - có rất ít những sáng kiến nhằm giảm hay loại trừ bất kỳ căn cứ nào ở nước ngoài" (tr.19-20). Trong những năm 1950-1960, Mỹ đã phát triển một học thuyết đặc biệt "cắm tiếp cận chiến lược", khẳng định rằng không có sự rút quân tại bất kỳ căn cứ nào có nguy cơ tiềm tàng bị Liên Xô tiếp nhận. Những căn cứ của

Mỹ phần lớn có mục đích "bao vây" và "ngăn chặn" chủ nghĩa cộng sản. Tuy nhiên, từ khi Liên bang Xô viết sụp đổ, Mỹ vẫn tìm cách duy trì toàn bộ hệ thống căn cứ của họ, với lý do biện minh là sự cần thiết phải đưa sức mạnh ra bên ngoài và bảo vệ những lợi ích của Mỹ ở nước ngoài.

Sau Chiến tranh Lạnh

Cùng với sự sụp đổ của các chế độ cộng sản tại Đông Âu năm 1989 và của Liên bang Xô viết vào năm 1991, người ta hy vọng những căn cứ quân sự của Mỹ nhanh chóng được tháo dỡ, đặc biệt là bộ phận những người tin rằng các căn cứ này không có mục tiêu nào khác ngoài đe dọa Liên Xô. Tuy nhiên, Bộ Quốc phòng Mỹ đã nhấn mạnh trong Báo cáo của Bộ trưởng Quốc phòng (Report of the Secretary of Defense, 1989) (tr.41) rằng, để triển khai sức mạnh của Mỹ ra bên ngoài đòi hỏi phải có những chuẩn bị trước, nghĩa là duy trì sự tồn tại của những căn cứ như vậy. Trên thực tế, sau Chiến tranh Lạnh, những căn cứ quân sự của Mỹ tại nước ngoài chủ yếu nằm ở Tây Âu, trong đó 26 căn cứ tại Đức, 8 tại Anh và 8 tại Italia. Ngoài ra còn có 8 căn cứ mới tại Nhật Bản.

Vào ngày 2/8/1990, Tổng thống George Bush đã phát biểu rằng an ninh toàn cầu của nước Mỹ từ năm 1995 chỉ được đảm bảo bởi một lực lượng hành động thấp hơn 25% so với năm 1990. Cùng thời gian này, Iraq xâm lược Kuwait. Quân đội Mỹ được đưa ồ ạt vào Trung Đông trong thời gian Chiến tranh vùng Vịnh xảy ra. Những căn cứ quân sự mới được thiết lập tại Trung Đông, đặc biệt tại Arabia Saudi, nơi hàng nghìn lính Mỹ vẫn đóng quân từ hơn một thập kỷ nay.

Mặc dù Chính quyền Clinton quan tâm nhiều hơn Chính quyền Bush cha

về sự cần thiết phải giảm bớt những cam kết quân sự của Mỹ ở nước ngoài, nhưng không hề có bất kỳ nỗ lực nào được thực hiện để làm giảm bớt sự "hiện diện phòng ngừa" của Mỹ. Thay đổi chủ yếu chỉ là việc giảm bớt số lượng các nhóm binh lính thường trực ở nước ngoài và thay bằng những triển khai quân trong giai đoạn ngắn hơn. Ngoài những triển khai định kỳ thường xuyên, những căn cứ được sử dụng để bố trí trước các trang thiết bị triển khai nhanh.

Năm 1990 kết thúc với những can thiệp quân sự của Mỹ tại vùng Balkans và việc Mỹ tăng cường hỗ trợ cho những chiến dịch chống bạo loạn tại Nam Mỹ trong khuôn khổ "Kế hoạch Colombia". Tiếp theo vụ tấn công khủng bố ngày 11/9/2001 tại Mỹ và phát động "cuộc chiến chống khủng bố", là sự gia tăng nhanh chóng về số lượng và mở rộng về mặt địa lý các căn cứ quân sự của Mỹ. Mỹ đã bắt đầu xây dựng 14 căn cứ mới tại vùng Vịnh Persique, đưa ra kế hoạch xây dựng và củng cố 20 căn cứ tại Iraq và sử dụng khoảng chục căn cứ tại vùng Trung Á. Mỹ cũng đã tiến hành và theo đuổi các đàm phán với nhiều nước để thiết lập, xây dựng, phát triển và thuê mướn những căn cứ khác, đặc biệt là với Morocco, Algeria, Cộng hòa Mali, Ghana, Brazil, Australia, Ba Lan, Cộng hòa Czech, Uzbekistan, Tadjikistan, Kyrgyzstan, Italia và Pháp. Tất cả những vận động này nhằm thiết lập một chuỗi những căn cứ quân sự dọc hành lang Đông/Tây giữa Colombia, Maghreb, Cận Đông, Trung Á cho đến Philippines mà người Mỹ gọi là "trục bất ổn định"; và đồng thời để đảm bảo sự tiếp cận dễ dàng và thường xuyên với các nguồn tài nguyên lớn tại đây.

Theo Báo cáo Cơ cấu Căn cứ quân sự năm 2001 (Base Structure Report) của Bộ Quốc phòng, nước Mỹ giờ đây có những căn cứ quân sự tại 38 quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau. Tại Mỹ Latinh, thông qua Kế hoạch Colombia, nhằm đối phó với các lực lượng quân du kích Colombia, đồng thời cả Chính phủ Venezuela vốn không chịu lệ thuộc vào Mỹ và phong trào đại chúng chống lại chủ nghĩa tự do mới ở Ecuador, Mỹ đã thực hiện tiến trình mở rộng sự hiện diện quân sự tại khu vực Mỹ Latinh và Caribbean. Puerto Rico đã thay thế Panama như một tâm điểm cho kế hoạch của Mỹ. Đồng thời, Mỹ đã thiết lập bốn căn cứ quân sự mới tại Manta, Ecuador cũng như tại Aruba, Curacao và Comalapa thuộc Salvador - tất cả những căn cứ này được coi như những vị trí chiến lược (forward operating locations - FOLs). Từ ngày 11/9/2001, Mỹ cũng đã thiết lập những căn cứ quân sự đồn trú cho 60.000 lính tại Afghanistan, Pakistan, Kyrgyzstan, Uzbekistan và Tajikistan, cũng như ở Kuwait, Qatar, Thổ Nhĩ Kỳ và Bulgaria. Căn cứ hải quân chính của Mỹ Diego Garcia thuộc Ấn Độ dương, cũng rất quan trọng đối với chiến lược này. Tóm lại, nước Mỹ giờ đây có những căn cứ quân sự bên ngoài tại gần 60 nước và những vùng lãnh thổ.

Năm 1990, trước khi xảy ra Chiến tranh vùng Vịnh, Mỹ không có bất kỳ một căn cứ nào tại Nam Á, và chỉ có 10% số căn cứ họ có được tại vùng Trung Đông/ Châu Phi vào 1947. Tại Mỹ Latinh và Caribbean, số lượng những căn cứ quân sự của Mỹ đã giảm sút khoảng 2/3 từ năm 1947 đến 1990. Từ góc nhìn địa chiến lược, đây thực sự là một khó khăn đối với bá quyền kinh tế và quân sự toàn cầu của Mỹ. Tuy nhiên, sau năm 1900,

những căn cứ mới của Mỹ đã xuất hiện tại vùng Trung Đông, Nam Á, Mỹ Latinh và Caribbean, đây được xem là hệ quả của cuộc chiến tranh vùng Vịnh, Chiến tranh Afghanistan và Kế hoạch Colombia, và là sự tái xác nhận sức mạnh đế quốc quân sự của Mỹ ở những nơi mà ảnh hưởng của nước này phần nào đã bị xói mòn.

Việc Mỹ thiết lập những căn cứ ở Afghanistan, Pakistan và ba nước cộng hòa Xô viết trước đây tại Trung Á bị Nga và Trung Quốc coi như những mối đe dọa cho an ninh của mình. Nga đã biểu thị sự không hài lòng với những căn cứ quân sự Mỹ tại Trung Á. Còn đối với Trung Quốc, căn cứ Manas, ở Kyrgyzstan, cách biên giới Trung Quốc 250 dặm, nơi những máy bay Mỹ đổ bộ hàng ngày, cùng với các căn cứ phía Đông Nhật Bản, phía Nam Hàn quốc và sự hỗ trợ quân sự của Washington với Đài Loan, đã tạo nên một vòng vây khép kín Trung Quốc.

Sự phô trương sức mạnh quân sự của Mỹ ra bên ngoài thông qua việc thiết lập các căn cứ quân sự tại các khu vực mới rõ ràng không chỉ mang mục tiêu quân sự đơn thuần. Những căn cứ này còn có mục đích đẩy mạnh các mục tiêu chính trị và kinh tế khác. Chẳng hạn, những công ty của Mỹ và Chính phủ Mỹ đã mong muốn xây dựng một tuyến đường ống dẫn dầu và khí đốt tự nhiên đặt dưới sự kiểm soát của Mỹ từ Biển Caspian tại Trung Á đến biển Oman, đi qua Afghanistan và Pakistan. Chiến tranh Afghanistan và sự thiết lập các căn cứ quân sự Mỹ tại Trung Á tạo điều kiện cho Mỹ thực hiện mục tiêu này. Ủy ban Quan hệ quốc tế của Hạ viện Mỹ đã công bố về "Một con đường tơ lụa mới: dự án đường ống dẫn dầu tại

Afghanistan” trong *Monthly Review*, tháng 12/2001⁴. Còn Tổng thống Bush thì chỉ định Khalilzad Zalmay, một thành viên của Hội đồng an ninh quốc gia gốc Afghanistan, làm đặc phái viên tới Afghanistan.

Trong thời gian chiến tranh ở Afghanistan, những phương tiện truyền thông của Mỹ đã lờ đi ý đồ của đất nước mình đối với nguồn dầu mỏ trong vùng. Tuy nhiên, một bài báo trên Thời báo New York (15/12/2001) đã nêu lên rằng: “Bộ Ngoại giao đang tìm kiếm những cơ hội mở ra sau sự sụp đổ của chế độ Taliban cho các dự án năng lượng trong khu vực, nơi vốn nắm giữ hơn 6% trữ lượng dầu thế giới đã được phát hiện và gần 40% dự trữ khí đốt. Trong một bài báo khác của Thời báo New York (18/1/2002), Richard Butler, một thành viên của Ủy ban Quan hệ Quốc tế đã thừa nhận “Chiến tranh ở Afghanistan về mặt chính trị đã giúp thực hiện việc xây dựng đường ống dẫn dầu qua Afghanistan và Pakistan”. Nếu không có sự hiện diện về mặt quân sự mạnh mẽ trong khu vực, nhờ vào sự thiết lập những căn cứ như là hệ quả của chiến tranh, thì chắc chắn việc xây dựng một đường ống như vậy sẽ khó lòng đạt được.

2. Các căn cứ quân sự của Mỹ và sự phản ứng

Lịch sử đã chỉ ra rằng những căn cứ quân sự ở nước ngoài là con dao hai lưỡi. Minh chứng rõ nhất cho khẳng định này là cuộc chiến chống khủng bố hiện nay. Những hành động khủng bố nhằm vào nước Mỹ không chỉ nhằm mục tiêu là lực lượng ở trong nước mà đồng thời ở cả nước ngoài. Nó xuất phát từ sự bất mãn đối với vai trò ngày càng lớn về mặt quân sự của Mỹ tại những khu vực như Trung

Đông, nơi mà Mỹ không chỉ theo đuổi những cam kết quân sự mà còn bố trí hàng ngàn lính kể từ năm 1990. Một số người Ả-rập coi sự bố trí các căn cứ quân sự này như một hành vi xâm lược vương quốc đạo Hồi thiêng liêng của mình và muốn chống lại bằng bất kỳ giá nào.

Những căn cứ của Mỹ bị coi như một sự xâm phạm đối với chủ quyền quốc gia. Đây là tâm lý ngày càng lan rộng tại các nước “chủ nhà”, với một lý do đơn giản vì sự hiện diện của những căn cứ như vậy sẽ kéo theo các can thiệp vào chính sách đối nội. Tiểu ban về các hiệp định an ninh và cam kết đối ngoại của Thượng viện Mỹ đã tuyên bố vào năm 1970: “Những căn cứ nước ngoài, sự hiện diện của các yếu tố sức mạnh vũ trang của Mỹ, những kế hoạch chung, những bài tập phối hợp, hay những chương trình trợ giúp quân sự... gần như đảm bảo sự can dự của Mỹ vào công việc nội bộ của chính phủ nước chủ nhà”. Những quốc gia như vậy sẽ ngày càng bị liên quan vào đế chế Mỹ.

Các căn cứ quân sự của Mỹ cũng gây ra ngày càng nhiều các phản ứng về mặt xã hội tại các nước liên quan. Cho đến khi Mỹ rút quân khỏi Philippines năm 1992, những căn cứ quân sự ở đây được coi như di sản của chủ nghĩa thực dân Mỹ. Giống như phần lớn những căn cứ của Mỹ ở nước ngoài, chúng làm nảy sinh các vấn đề xã hội. Thành phố Olongapo, nằm gần các căn cứ Subic của Philippines, hoàn toàn để phục vụ cho hoạt động “nghỉ ngơi và giải trí” của các lính Mỹ, ước tính ở đây có hơn 50.000 gái điếm.

Căn cứ ở Okinawa, vốn là trung tâm hệ thống căn cứ quân sự Mỹ tại Thái Bình dương cũng bị nhân dân tẩy chay. Chalmers Johnson, Chủ tịch Viện Nghiên cứu Chính trị Nhật Bản,

trong cuốn sách Blowback (tr.64), 2000 của mình đã viết: “Đảo Okinawa thực chất là một thuộc địa về mặt quân sự của Lầu Năm góc, nơi đồn trú khổng lồ của lính mũ nổi xanh và DIA (Cơ quan tình báo quốc phòng - Defense Intelligence Agency), không tính đến các lực lượng không quân và thủy quân Mỹ, nơi mà họ có thể làm những điều không bao giờ dám làm tại Mỹ. Căn cứ này dự kiến phục vụ cho việc tăng cường sức mạnh của Mỹ tại châu Á và phục vụ chiến lược gây rối loạn và tăng cường bá quyền Mỹ tại các khu vực then chốt”.

Ở Mỹ Latinh, đã có hai căn cứ quân sự đã bị đóng cửa là căn cứ Howard và Clayton ở Panama năm 1999, và căn cứ hải quân Vieques, ở Puerto Rico năm 2003.

Trong vòng 100 năm, Mỹ đã duy trì ở Panama trung bình 10.000 lính tại 6 căn cứ quân sự dọc kênh đào. Năm 1999, khi hiệp ước ký năm 1977 giữa cựu Tổng thống Mỹ Jimmy Carter (1977-81) và tướng Omar Torrijos, người đứng đầu Panama hết hạn, căn cứ Howard và Clayton đã bị đóng cửa. Căn cứ này rộng 870 héc-ta, gồm 1400 ngôi nhà, trường học và những trung tâm thể thao thương mại.

Tiếp theo đó, bất chấp phản ứng của đa số nhân dân Puerto Rico, căn cứ Vieques, còn được gọi là Roosevelt Roads, vẫn được coi là một nơi luyện tập ném bom của quân đội Mỹ. Mức độ ô nhiễm do các hoạt động tập huấn quân sự của căn cứ này đã làm gia tăng đáng kể tỷ lệ người dân địa phương mắc bệnh ung thư. Sau 60 năm, vào tháng 5/2003, nhân dân Vieques đã đạt được kết quả mong đợi. Với một chiến dịch chống lại sự hiện diện quân sự của Mỹ, phong trào Hòa bình cho Vieques đã đóng cửa được căn cứ quân sự trên đất nước mình.

Lầu Năm góc còn sở hữu khoảng 20.000 dặm vuông trong vịnh gần Puerto Rico, nơi đặt một trạm quan sát hải quân và khu vực huấn luyện chiến tranh điện tử. Khu vực này được thủy quân Hoa Kỳ và rất nhiều nhà cung cấp vũ khí sử dụng để thử nghiệm những hệ thống chiến đấu⁵.

Căn cứ Eloy Alfaro, nằm tại thành phố ven biển Manta, kể từ năm 1999, là nơi quân lính và máy bay Mỹ đồn trú để thực hiện những nhiệm vụ trong vùng phía Bắc của Nam Mỹ và Caribbean. Rất nhiều cá nhân và tổ chức đã tố cáo rằng mục tiêu kiểm soát ma túy chỉ là nguyên cớ để ngụy trang cho các hoạt động do thám, và chống lật đổ. Hoạt động phản đối sự hiện diện về quân sự của Mỹ tại Manta đã trở thành nội dung chính trong phong trào đấu tranh bảo vệ chủ quyền của Ecuador, đến mức mà chủ đề này đã trở thành một phần trong chiến lược tranh cử tổng thống và là mục tiêu cam kết hiện nay của chính phủ quốc gia. Mỗi lần được hỏi về vấn đề này, Chính phủ của Tổng thống Rafael Correa đều đảm bảo rằng sẽ không gia hạn thêm cho hiệp ước về căn cứ Manta (sẽ hết hiệu lực vào ngày 25/11/2009). Vấn đề Manta cũng là cơ sở cho những nhà hoạt động khác đấu tranh để loại bỏ các cơ sở quân sự tại nước ngoài, đặc biệt là các tổ chức của Mỹ Latinh.

Việc sử dụng căn cứ hải quân Guantanamo tại Cuba hiện nay nhằm giam giữ và tra khảo các tù nhân trong chiến tranh tại Afghanistan cũng đã gây ra sự phản đối trên toàn cầu và cả sự phản ứng từ phía Cuba. Trên thực tế, thông qua những hoạt động này và việc thiết lập cũng như duy trì các căn cứ như vậy, nước Mỹ đã khẳng định sẽ không từ bỏ những mục tiêu an ninh chiến lược và phô trương sức mạnh đế quốc của mình.

Kết luận

Nước Mỹ, như người ta từng biết, đã xây dựng một chuỗi những căn cứ quân sự và khu vực đồn trú trên khắp hành tinh, và sử dụng chúng như phương tiện để triển khai nhanh chóng các lực lượng không quân và thủy quân của mình. Những căn cứ này, không đơn giản như trường hợp của nước Anh vào thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX chỉ là một bộ phận của đế chế thực dân. Nó là công cụ để gìn giữ hệ thống kinh tế đế quốc chủ nghĩa khỏi những chi phối bởi chủ quyền lãnh thổ của quốc gia khác. Mỹ đã coi những căn cứ này như phương tiện gây sức ép với những nước muốn đoạn tuyệt với hệ thống của Mỹ, hoặc những quốc gia cố gắng theo đuổi con đường độc lập đe dọa lợi ích Mỹ. Nếu không có sự triển khai sức mạnh quân sự toàn cầu tại những căn cứ này, hay nói cách khác là sự dọn đường trước cho những can thiệp quân sự, Mỹ sẽ khó lòng ngăn cản nhiều vùng lãnh thổ ngoại vi phụ thuộc về kinh tế rời bỏ khỏi hàng ngũ đồng minh Mỹ.

Quyền lực chính trị, kinh tế và tài chính của Mỹ cần được củng cố bằng việc sử dụng sức mạnh quân sự định kỳ. Những nước tư bản phát triển khác cũng bị lôi kéo vào trong hệ thống này và coi Mỹ như nhân tố đảm bảo cho luật chơi được thực hiện. Người ta không nghi ngờ gì về việc nước Mỹ đang trong quỹ đạo mở rộng đế quốc, với mục tiêu thúc đẩy các lợi ích chính trị, kinh tế và hiện, nay là

chống khủng bố. Việc mở rộng sức mạnh quân sự của Nhà nước tư bản bá quyền toàn cầu là một bộ phận của quá trình toàn cầu hóa kinh tế. Nói cách khác, chủ nghĩa bành trướng quân sự sẽ không tách rời với quá trình toàn cầu hóa tư bản chủ nghĩa và chủ nghĩa đế quốc ■

Chú thích:

1. Pax Americana ám chỉ thời kỳ hòa bình giữa các nước phương Tây cuối Chiến tranh thế giới thứ hai, cũng là giai đoạn bắt đầu sự thống trị kinh tế và quân sự của Mỹ. Khái niệm này đặt nước Mỹ trong vai trò tương quan với Đế chế La Mã với Pax Romana và Đế chế Anh với Pax Britannica.
2. James R. Blaker, *United States Overseas Basing*, New York, Praeger, 1990, tr. 9,37.
3. T. Sandars, *America's Overseas Garrisons: The Leasehold Empire*, Oxford, Oxford University Press, 2000, tr. 5.
4. Nguồn gốc của dự án về đường ống dẫn dầu qua Trung Á do công ty Unocal đề xướng được trình bày chi tiết trong tác phẩm của Ahmed Rashid, *Taliban* (New Haven, Yale University Press, 2000), tr. 151-180.
5. John Lindsay-Poland, "U.S. Military Bases in Latin America and the Caribbean", *Foreign Policy in Focus* 6, 11/2001, <http://foreignpolicyin focus.org>.

Tài liệu tham khảo:

- <http://risal.collectifs.net/spip.php?article2256>
<http://www.noticiasaliadas.org/>
<http://www.cairn.info>
<http://www.workers.org/2006/world/pentagon-0223/>
<http://mondialisation.ca/index.php?context=v&a&aid=5314>